TÒA ÁN NHÂN DÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT Độc lập -Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Bản án số: 12/2025/LĐ-ST
Ngày: 28/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Du - Cán bộ hưu trí

2. Ông Hoàng Minh Tuấn - Chuyên viên Liên đoàn Lao động thành phố Thủ Dầu Một.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 28/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 75/2024/TLST- LĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc "tranh chấp hợp đồng lao động" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐST- LĐ ngày 21/3/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị N sinh năm: 1988; địa chỉ thường trú: 1308/22, Đại lộ B, Tổ C, Khu E, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. SĐT: 0906.717.073, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị Thùy D sinh năm: 1989; địa chỉ: F đường N, Tổ E, Khu G, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. SĐT: 0915.234.938, có đơn vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty TNHH O; địa chỉ: Số B, Đường số B, Khu công nghiệp V-S, phường H, thành phố T, Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của công ty: Bà Đoàn Bạch L, sinh 1994, chức vụ Phó quản lý phòng Nhân sự và ông Phạm Văn B, sinh năm 1993, chức vụ: Nhân viên

cao cấp Phòng Nhân sự; cùng địa chỉ: Công ty TNHH O; Số B, Đường số B, Khu công nghiệp V-S, phường H, thành phố T, Bình Dương, có đơn vắng mặt.

3.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh B; địa chỉ: Số A đường L, Khu B, phường H, TP . tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của BHXH tỉnh: Ông Nguyễn Thắng L1, sinh năm 1981; chức vụ: Phó Trưởng phòng Thanh tra - Kiểm tra BHXH tỉnh; địa chỉ: Số A đường L, Khu B phường H, TP . tỉnh Bình Dương, có đơn vắng mặt.

NHẬN THẤY:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2024; Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Vào năm 2008, bà N có xin vào làm việc tại Công ty Đ, địa chỉ số A Đại lộ B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương và ký hợp đồng lao động có thời hạn, tháng 11/2008 công ty bắt đầu đóng bảo hiểm xã hội cho bà N đến tháng 07/2011 thì bà N nghỉ việc tại công ty Đ**.** Vừa qua, bà N nhận được thông báo của Bảo hiểm xã hội tỉnh B thông báo cho bà N biết bà có hai số sổ BHXH: Số sổ 1: 7408238798 cấp tại Công ty Cổ phần Đ; số sổ 2: 7411205456 cấp tại Công ty TNHH O.

Bà N bị trùng, dư thời gian đóng bảo hiểm xã hội tháng 07 - 08/2011 (02 tháng). Nguyên nhân do trong khoảng thời gian này, bà N có cho người quen là bà Hoàng Thị Thùy D mượn chứng mình nhân dân của bà để làm hồ sơ đi làm ở Công ty TNHH O, do người này nói bị mất chứng minh nhân dân, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà N giúp để có việc làm kiếm thu nhập. Do không hiểu biết về pháp luật, chỉ nghĩ đến cách tìm kế sinh nhai nên mới gây hậu quả pháp lý như ngày hôm nay. Bà N nhiều lần liên hệ Bảo hiểm xã hội tỉnh B để giải quyết thì được hướng dẫn khởi kiện ra Tòa án theo Công văn 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/05/2022 của Bộ L2. Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hợp đồng lao động giao kết giữa Công ty TNHH O và bà Hoàng Thị Thùy D từ tháng 7/2011 - tháng 8/2011 vô hiệu.

- Yêu cầu Tòa án xử lý thời gian tham gia bảo hiểm xã hội đứng tên Lê Thị Ngọc số sổ 7411205456 cấp tại Công ty TNHH O theo quy định.

- Tại Bản tự khai đề ngày 06/3/2025, bị đơn bà Hoàng Thị Thùy D trình bày:

Vào năm 2011, do có nhu cầu tìm việc làm nhưng chưa có đủ giấy tờ cần thiết để đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của Công ty TNHH O1 nên bà D có mượn hồ sơ cá nhân của bà Lê Thị N để xin việc làm và bà N đã được ký hợp đồng lao động nhận vào làm việc từ tháng 07/2011 đến tháng 8/2011, có đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ từ tháng 07/2011 đến tháng 8/2011 và được cấp mã số: 7411205456.

Tháng 9/2011, khi bà D có đủ giấy tờ cần thiết nộp cho công ty nên bà N xin chấm dứt hợp đồng lao động mang tên Lê Thị N, chốt sổ bảo hiểm nhưng chưa hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần. Sau đó, bà N sử dụng hồ sơ tên thật của mình để ký lại hợp đồng lao động với Công ty TNHH O1.

Từ khi chấm dứt hợp đồng lao động mang tên Lê Thị N, chốt số bảo hiểm thì bà D không còn sử dụng tên bà N để ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội. Do thời gian đã quá lâu gần 14 năm (từ năm 2011) nên hiện nay hợp đồng lao động giữa bà D (mang tên Lê Thị N) và Công ty TNHH O2, cũng như sổ bảo hiểm xã hội mã số: 7411205436 không còn được lưu giữ nữa nên bà N không có để giao nộp cho Tòa án.

Hiện nay, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa Công ty TNHH O1 và bà D vô hiệu, yêu cầu Tòa án xử lý thời gian tham gia bảo hiểm xã hội mang tên Lê Thị Ngọc số sổ 7411205456 cấp tại công ty TNHH O1 theo quy định của pháp luật thì bà D hoàn toàn đồng ý, không thắc mắc, khiếu nại.

Do bận công việc, không thể tham gia các buổi làm việc, hòa giải, xét xử của Tòa án được nên bà N đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải, xét xử của Tòa án.

- Tại Đơn xin giải quyết vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Bạch L, ông Phạm Văn B trình bày:

Bà L, ông B không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà N tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị N và Công ty TNHH O1 vô hiệu; không đồng ý xử lý thời gian tham gia bảo hiểm xã hội giữa Công ty TNHH O1 và bà Hoàng Thị Thùy D (mượn hồ sơ cá nhân của bà Lê Thị N để làm việc tại công ty)

- Bảo hiểm xã hội tỉnh B trình bày:

Qua rà soát dữ liệu, quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của bà Lê Thị Ngọc N1 sau:

+ Thời gian đóng BHXH đối với mã số 7411205456: Từ tháng 07/2011 - tháng 08/2011 tại Công ty TNHH O1, bà N chưa hưởng chế độ BHXH, đã chốt sổ từ tháng 07/2011 - 08/2011.

+ Thời gian đóng BHXH đối với mã số 7412081133: Từ tháng 01/2012 - tháng 01/2012 tại Công ty TNHH O1, bà N chưa hưởng chế độ BHXH, đã chốt sổ từ tháng 01/2012 - 01/2012.

+ Thời gian đóng BHXH đối với mã số 7408238798: Từ tháng 11/2008 - tháng 07/2011 tại Công ty Cổ phần Đ, bà N đã hưởng chế độ BHXH một lần, bảo hiểm thất nghiệp, ốm đau, đã chốt sổ từ tháng 11/2008 - 07/2011.

+ Thời gian đóng BHXH đối với mã số 7412288649: Từ tháng 11/2012 - tháng 02/2022 tại Công ty TNHH A (Việt Nam), bà N đã hưởng chế độ ốm đau, bảo hiểm thất nghiệp, đã chốt sổ từ tháng 11/2012 - 02/2022.

Quá trình đóng BHXH của mã số 7411205456, 7412081133 tại Công ty TNHH O1 với mã số 7412288649 tại Công ty TNHH A (Việt Nam) không trùng nhau.

Quá trình đóng BHXH của mã số 7411205456 tại Công ty TNHH O1 với mã số 7408238798 tại Công ty Cổ phần Đ1 tháng 07/2011.

Đại diện Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương, ông Nguyễn Thắng L1 nộp đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày: Sau khi được Tòa án cho tiếp cận Công văn số 490 ngày 25/3/2025 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng lao động giao kết giữa Công ty TNHH O và bà Hoàng Thị Thùy D vô hiệu tháng 7/2011, giữ nguyên các yêu cầu còn lại.

- Các đương sự khác đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt các đương sự có đơn vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của bà N, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn địa chỉ tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu Tòa án áp dụng quy định thời hiệu khởi kiện nên Tòa án không nhận định về thời hiệu khởi kiện, xác định tranh chấp này thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà N tại phiên tòa, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị N và bị đơn bà Hoàng Thị Thùy D trình bày thống nhất nhau về việc bà D mượn hồ sơ cá nhân của bà N để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH O1, làm việc từ tháng 7 - hết 8/2011 và

tham gia đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ. Sự thừa nhận, thống nhất của bà N và bà D phù hợp Công văn số 1825 ngày 17/10/2023 và Công văn số 490 ngày 25/3/2025 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B nên thuộc tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy: Bà D dùng hồ sơ lý lịch nhân thân của bà N để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH O1 là không đúng chủ thể trong giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 (nay Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019), vi phạm điều cấm của pháp luật nên Tòa án không được tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 206 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ các điều 128, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là các điều 123, 127 Bộ luật Dân sự năm 2015) quy định về giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật và do bị lừa dối và điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, tuyên bố hợp đồng lao động giao kết giữa Công ty TNHH O và bà Hoàng Thị Thùy D vô hiệu tháng 7/2011.

Về xử lý hợp đồng lao động vô hiệu: Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019, Tòa buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh B giải quyết quyền, nghĩa vụ và lợi ích của bà N, bà D theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy ý kiến phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí lao động sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí đối với vụ án tranh chấp lao động không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 92, 147, 266, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 15, điểm b khoản 1 Điều 49, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019);

- Căn cứ các điều 128, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 123, 127 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N đối với bị đơn bà Hoàng Thị Thùy D về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa Công ty TNHH O và bà Hoàng Thị Thùy D vô hiệu tháng 7/2011.

Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh B giải quyết quyền, nghĩa vụ và lợi ích của bà N, bà D theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Bà D chịu số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án này theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình